

Bài giải

Tin Học Nâng Cao

(Phần Excel)

- Bài tập thực hành Thầy Trường**
- Hướng dẫn chi tiết cách giải**

MỤC LỤC

Bài 1.....	1
Bài 2.....	4
Bài 3.....	9
Bài 4.....	11
Bài 5.....	15
Bài 6.....	18
Bài 7.....	22
Bài 8.....	25
Bài 9.....	26
Bài 10.....	30
Bài 11.....	34
Bài 12.....	35
Bài 13.....	36
Bài 14.....	37
Bài 15.....	38

Bài 1

Bảng nhập

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	
1	BẢNG KÊ CHI PHÍ THUẾ KHÁCH SẠN										
2	TT	Loại phòng	Ngày đến	Ngày đi	Số tuần	Số ngày lễ	Đơn giá tuần	Đơn giá ngày	Thành tiền		
3	1	L2A	12/05/06	17/05/06							
4	2	L2B	15/04/06	15/04/06							
5	3	TRA	14/05/06	28/05/06							
6	4	L1B	15/04/06	21/05/06							
7	5	L2B	17/05/06	01/06/06							
8	6	TRB	19/05/06	28/05/06							
9	7	L1A	21/05/06	26/05/06							
10	8	L2A	22/05/06	25/05/06							
11	9	TRA	22/05/06	23/05/06							
12	10	L2B	22/05/06	28/05/06							
13	11	TRA	23/05/06	26/05/06							
14	12	L1A	22/05/06	26/05/06							
15	13	TRB	24/05/06	30/05/06							
16	14	L1B	29/05/06	10/06/06							
17									Tổng cộng:		
18	Bảng giá phòng										
19	Loại phòng	TRA	TRB	L1A	L1B	L2A	L2B				
20	ĐG tuần	700000	600000	500000	400000	300000	250000				
21	ĐG Ngày	110000	90000	75000	65000	50000	45000				
22	Bảng doanh thu										
23	Loại phòng	TRA	TRB	L1A	L1B	L2A	L2B				
24	Doanh thu										
25											

Câu 1: Đặt tên vùng của số liệu là GiaPhong

- File → Save → trong ô file name gõ GiaPhong → Save.

Câu 2: Tính số tuần, biết rằng Số tuần = Phần nguyên của (Ngày đi – Ngày đến)/7

- Nhập vào ô E3 hàm sau: =INT((D3-C3)/7)
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô E3 cho đến ô E16

Câu 3: Tính số ngày lễ, biết rằng Số ngày lễ = Phần dư của (Ngày đi – Ngày đến)/7

- Nhập vào ô F3 hàm sau: =MOD((D3-C3);7)
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô F3 cho đến ô F16

Câu 4: Tính đơn giá tuần, đơn giá ngày dựa vào loại phòng (lấy kết quả trong Bảng Giá Phòng)

*Tính Đơn giá tuần

- Nhập vào ô G3 hàm sau: =HLOOKUP(B3;\$A\$19:\$G\$20;2;0)
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô G3 cho đến ô G16

*Tính Đơn giá Ngày

- Nhập vào ô H3 hàm sau: =HLOOKUP(B3;\$A\$19:\$G\$21;3;0)
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô H3 cho đến ô H16

Câu 5: Tính thành tiền, biết rằng Thành tiền = Số tuần*ĐG tuần +Số ngày lễ + ĐG ngày

- Nhập vào ô I3 hàm sau: =E3*G3+F3*H3
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô I3 cho đến ô I16

Câu 6: Tính Tổng cộng = tổng của thành tiền

- Nhập vào ô I17 hàm sau: =SUM(I3:I16)

Câu 7: Tính doanh thu theo từng loại phòng và lưu trong bảng doanh thu

- Nhập vào ô B24 hàm sau: =SUMIF (\$B\$3:\$B\$16;B23;\$I\$3:\$I\$16)
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô B24 cho đến ô G24

Câu 8: Định dạng cột thành tiền theo dạng 0,000 đ

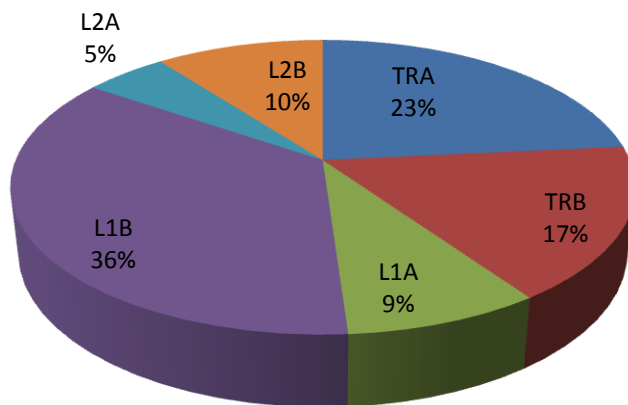
Control Panel → Region and Language → Additional setting... → Decimal Symbol (.) and Digit Grouping Symbol (,)

Vào Excel chọn vùng cột thành tiền → Home → (thẻ number) chọn General → Currency → rê chuột xuống phần Decrease Decimal (trong thẻ number), kích chuột trái để giảm phần thập phân.

Câu 9: Dựa vào số liệu của bảng Doanh thu vẽ biểu đồ dạng 3-D Pie phản ánh tỷ trọng doanh thu từng loại phòng.

Chọn bảng doanh thu (A23:G24) → Insert → thẻ Charts chọn Pie → 3-D Pie → Design → thẻ Chart Layouts chọn biểu đồ hiện số.

Doanh thu



Bảng kết quả bài 1

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J
1	BẢNG KÊ CHI PHÍ THUÊ KHÁCH SẠN									
2	TT	Loại phòng	Ngày đến	Ngày đi	Số tuần	Số ngày lẻ	Đơn giá tuần	Đơn giá ngày	Thành tiền	
3	1	L2A	12/05/06	17/05/06	0	5	300000	50000	250,000 đ	
4	2	L2B	15/04/06	15/04/06	0	0	250000	45000	0 đ	
5	3	TRA	14/05/06	28/05/06	2	0	700000	110000	1,400,000 đ	
6	4	L1B	15/04/06	21/05/06	5	1	400000	65000	2,065,000 đ	
7	5	L2B	17/05/06	01/06/06	2	1	250000	45000	545,000 đ	
8	6	TRB	19/05/06	28/05/06	1	2	600000	90000	780,000 đ	
9	7	L1A	21/05/06	26/05/06	0	5	500000	75000	375,000 đ	
10	8	L2A	22/05/06	25/05/06	0	3	300000	50000	150,000 đ	
11	9	TRA	22/05/06	23/05/06	0	1	700000	110000	110,000 đ	
12	10	L2B	22/05/06	28/05/06	0	6	250000	45000	270,000 đ	
13	11	TRA	23/05/06	26/05/06	0	3	700000	110000	330,000 đ	
14	12	L1A	22/05/06	26/05/06	0	4	500000	75000	300,000 đ	
15	13	TRB	24/05/06	30/05/06	0	6	600000	90000	540,000 đ	
16	14	L1B	29/05/06	10/06/06	1	5	400000	65000	725,000 đ	
17	Tổng cộng:								7,840,000 đ	
18	Bảng giá phòng									
19	Loại phòng	TRA	TRB	L1A	L1B	L2A	L2B			
20	ĐG tuần	700000	600000	500000	400000	300000	250000			
21	ĐG Ngày	110000	90000	75000	65000	50000	45000			
22	Bảng doanh thu									
23	Loại phòng	TRA	TRB	L1A	L1B	L2A	L2B			
24	Doanh thu	1840000	1320000	675000	2790000	400000	815000			
25										

Bài 2

	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1	BÁO CÁO DOANH THU								
2	TT	Mã hàng	Tên hàng	Nơi bán	Số lượng	Trị giá	Tiền cước	Huê hồng	Tiền
3	1	C		HN	10				
4	2	C		CT	2				
5	3	S		VT	1				
6	4	X		HN	2				
7	5	G		SG	1				
8	Bảng 1: Giá mặt hàng			Bảng 2: Tiền cước					
9	Mã hàng	Tên hàng	Đơn giá	Nơi bán	CT	HN	SG	VT	
10	G	Gạch	2000	Đgiá cước	1000	6000	200	800	
11	C	Cát	40000						
12	S	Sắt	3000	Bảng 3: Doanh thu					
13	X	Xi măng	50000	Tên hàng	CT	HN	SG	VT	
14				Cát					
15				Gạch					
16				Sắt					
17				Xi măng					
18				Tổng					

***Hoàn chỉnh bảng trên, biết rằng:**

1. Trị giá = đơn giá * số lượng

- Nhập vào ô F3 hàm sau: =VLOOKUP(B3;\$A\$10:\$C\$13;3;0)*E3
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô F3 cho đến ô F7.

2. Huê hồng: nếu số lượng > 3, thì Huê hồng = 5% trị giá, ngược lại không có huê hồng

- Nhập vào ô H3 hàm sau: =IF(E3>3;F3*5%;0)
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô H3 cho đến ô H7.

3. Thành tiền = trị giá + tiền cước – huê hồng

+ Nhập Tên hàng:

- Nhập vào ô C3 hàm sau: =VLOOKUP(B3;\$A\$10:\$B\$13;2;0)
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô C3 cho đến ô C7.

+ Nhập Tiền cước:

- Nhập vào ô G3 hàm sau: =HLOOKUP(D3;\$F\$9:\$I\$10;2;0)
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô G3 cho đến ô G7.

+ Tính Thành tiền:

- Nhập vào ô I3 hàm sau: =F3+G3-H3
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô I3 cho đến ô I7.

4. Điền giá trị cho bảng doanh thu

- Nhập vào ô F14 hàm sau:

=SUMIFS(\$I\$3:\$I\$7;\$C\$3:\$C\$7;E14;\$D\$3:\$D\$7;\$F\$13)

- Tiếp theo giữ nút điền và kéo theo hàng dọc từ ô F14 cho đến ô F17.

+ Sửa hàm ở ô F14 thành:

=SUMIFS(\$I\$3:\$I\$7;\$C\$3:\$C\$7;\$E\$14;\$D\$3:\$D\$7;F13)

Tiếp theo giữ nút điền và kéo theo hàng ngang từ ô F14 cho đến ô I14.

+ Sửa hàm ở ô G14 thành:

=SUMIFS(\$I\$3:\$I\$7;\$C\$3:\$C\$7;E14;\$D\$3:\$D\$7;\$G\$13)

Tiếp theo giữ nút điền và kéo theo hàng dọc từ ô G14 cho đến ô G17.

+ Sửa hàm ở ô H14 thành:

=SUMIFS(\$I\$3:\$I\$7;\$C\$3:\$C\$7;E14;\$D\$3:\$D\$7;\$H\$13)

Tiếp theo giữ nút điền và kéo theo hàng dọc từ ô H14 cho đến ô H17.

+ Sửa hàm ở ô I14 thành:

=SUMIFS(\$I\$3:\$I\$7;\$C\$3:\$C\$7;E14;\$D\$3:\$D\$7;\$I\$13)

Tiếp theo giữ nút điền và kéo theo hàng dọc từ ô I14 cho đến ô I17.

* Tính tổng doanh thu:

- Nhập vào ô F18 hàm sau: =SUM(F14:F17)

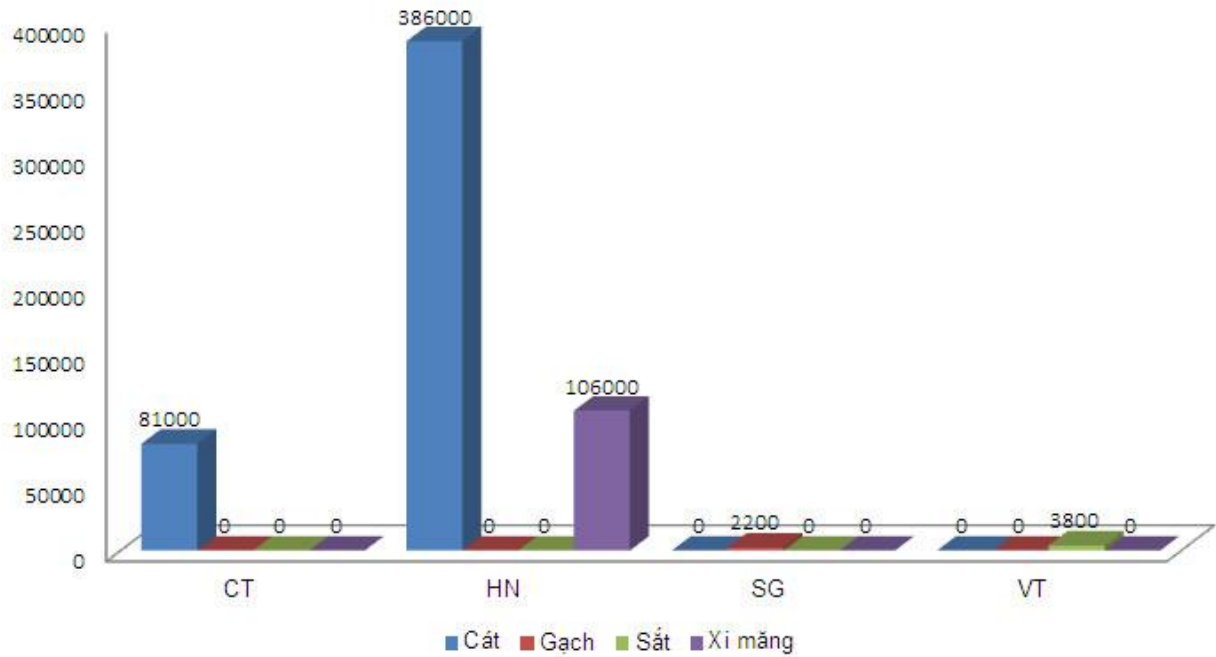
- Tiếp theo giữ nút điền và kéo theo hàng ngang từ ô F18 cho đến ô I18.

5. Dựa vào bảng doanh thu, vẽ đồ thị cho thấy tỷ lệ doanh thu của từng mặt hàng

- Chọn vùng cho bảng doanh thu cần vẽ biểu đồ (E13:I17)

Tên hàng	CT	HN	SG	VT	
Cát	81000	386000		0	0
Gạch	0	0	2200		0
Sắt	0	0	0	3800	
Xi măng	0	106000	0		0
Tổng	81000	492000	2200		3800

- Insert → trong thẻ Charts chọn Column → chọn biểu đồ Cylinder → trong thẻ Charts Layout chọn Layout 4, ta được biểu đồ như sau



6. Sắp xếp bảng báo cáo doanh thu theo mã hàng tăng dần

- Chọn vùng cho bảng doanh thu cần sắp xếp (E13:I17)

Bảng 3: Doanh thu

Tên hàng	CT	HN	SG	VT
Cát	81000	386000	0	0
Gạch	0	0	2200	0
Sắt	0	0	0	3800
Xi măng	0	106000	0	0
Tổng	81000	492000	2200	3800

- Home → trong thẻ Editing chọn Sort & Filter → Custom Sort → hộp thoại Sort xuất hiện



+ Trong ô Column (Sort by) chọn cột cần sắp xếp (Tên hàng)

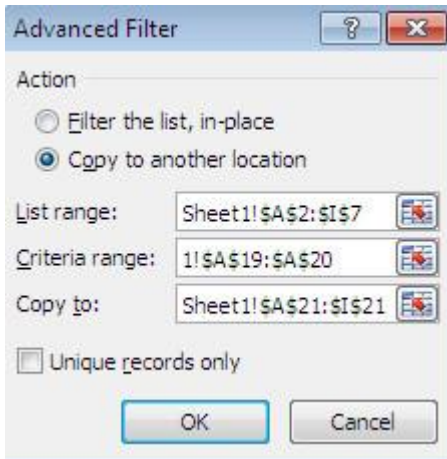
- + Trong ô Order chọn cách sắp xếp (A to Z)
- + Nhấp vào OK, ta có bảng kết quả sắp xếp.

7. Trích những mặt hàng có nơi bán là Sài Gòn ra một vùng riêng trên bảng tính

- Copy cột doanh thu ra một vùng riêng và gỡ điều kiện như sau:

19	Nơi bán
20	= "SG"

- Data → trong thẻ Sort & Filter chọn Advanced → hộp thoại Advanced Filter xuất hiện.



+ Trong phần Action chọn Copy to another location để trích dữ liệu lọc được ra một vùng riêng của bảng tính.

+ List range: chọn vùng muốn trích dữ liệu (bao gồm cả phần tiêu đề và phần dữ liệu).

+ Criteria range: chọn vùng điều kiện.

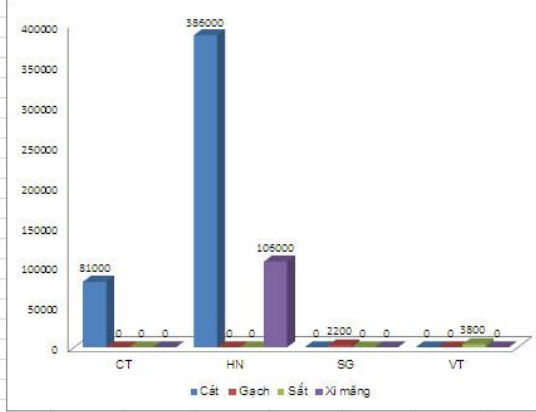
+ Copy to: Chọn vùng muốn hiện dữ liệu trích ra (chọn một vùng trống tương ứng với tiêu đề bảng tính).

- Nhấp chuột vào nút OK ta được bảng lọc mới như sau:

19	Nơi bán								
20	SG								
21	TT	Mã hàng	Tên hàng	Nơi bán	Số lượng	Trị giá	Tiền cước	Huê hồng	Tiền
22	5	G	Gạch	SG	1	2000	200	0	2200
23									

*Bài tập hoàn thành như sau:

BÁO CÁO DOANH THU									
TT	Mã hàng	Tên hàng	Nơi bán	Số lượng	Trị giá	Tiền cước	Huê hồng	Tiền	
1	1	C	Cát	HN	10	400000	6000	20000	386000
2	2	C	Cát	CT	2	80000	1000	0	81000
3	3	S	Sắt	VT	1	3000	800	0	3800
4	4	X	Xi măng	HN	2	100000	6000	0	106000
5	5	G	Gạch	SG	1	2000	200	0	2200
Bảng 1: Giá mặt hàng				Bảng 2: Tiền cước					
Mã hàng	Tên hàng	Đơn giá	Nơi bán	CT	HN	SG	VT		
G	Gạch	2000	Địa chỉ cước	1000	6000	200	800		
C	Cát	40000							
S	Sắt	3000							
X	Xi măng	50000							
Bảng 3: Doanh thu									
Tên hàng	CT	HN	SG	VT					
Cát	81000	386000	0	0					
Gạch	0	0	2200	0					
Sắt	0	0	0	3800					
Xi măng	0	106000	0	0					
Tổng	81000	492000	2200	3800					
Nơi bán									
SG									
TT	Mã hàng	Tên hàng	Nơi bán	Số lượng	Trị giá	Tiền cước	Huê hồng	Tiền	
5	G	Gạch	SG	1	2000	200	0	2200	



Bài 3

		B5 fx ="8293567"							
	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1	BẢNG THEO DÕI CÁC CUỘC GỌI ĐIỆN THOẠI								
2	TT	Cuộc gọi	TP/Tỉnh	Giờ BD	Giờ KT	Thời gian gọi (phút)	Đơn giá	Số cuộc gọi	Tiền phải trả
3	1	057-824105			10:15	10:20			
4	2	064-824531			11:20	11:21			
5	3	8293567			9:07	10:15			
6	4	090-840982			20:12	20:22			
7	5	053-823532			12:00	12:15			
8	6	064-825015			8:05	8:07			
9	7	090-903220			21:04	21:09			
10									Tổng cộng
11	Bảng cước phí điện thoại				Bảng thống kê				
12	Mã Tỉnh/Mạng ĐTDD	Tên tỉnh	Đơn giá (1 phút)	Cuộc gọi		Số cuộc	Tiền trả		
13	57	Phú Yên	2000	Thành phố					
14	53	Đà Nẵng	3000	ĐTDD					
15	64	Vũng Tàu	1000						
16	04	Hà Nội	4000						
17	90	Mobifone	1600						
18	91	Vinaphone	1600						

Câu 1: Dựa vào Mã tỉnh/Mạng ĐTDD trong bảng cước phí điện thoại lấy ra loại cuộc gọi cho cột TP/Tỉnh. Nếu ký tự đầu của cuộc gọi là "0" thì gọi Liên tỉnh hay ĐTDD và 2 ký tự kế tiếp là Mã tỉnh hay Mạng ĐTDD, ngược lại là "Thành phố".

- Nhập vào ô C3 hàm sau:
`=IF(LEFT(B3;1)="0";VLOOKUP(MID(B3;2;2);B13:C18;2;0);"Thành phố")`
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô C3 cho đến ô C9.

Câu 2: Tính Thời gian gọi = giờ KT - giờ BD. Thời gian đổi ra phút.

- Nhập vào ô F3 hàm sau:
`=(HOUR(E3)*60+MINUTE(E3))-(HOUR(D3)*60+MINUTE(D3))`
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô F3 cho đến ô F9.

Câu 3: Tính Đơn giá, nếu cuộc gọi là Liên tỉnh/ĐTDD thì đơn giá mỗi phút lấy ra trong bảng cước phí (dựa vào Mã tỉnh/Mạng ĐTDD). Nếu gọi trong thành phố thì đơn giá một cuộc là 500đ.

- Nhập vào ô G3 hàm sau:
`=IF(C3="Thành phố";500;VLOOKUP(C3;C13:D18;2;0))`
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô G3 cho đến ô G9.

Câu 4: Tính số cuộc gọi, nếu cuộc gọi là Liên tỉnh/ĐTDD thì số cuộc gọi = số phút gọi. Nếu thành phố thì cứ 2 phút được tính là 1 cuộc, nếu số phút < 2 vẫn tính là 1 cuộc gọi.

- Nhập vào ô H3 hàm sau:
`=IF(C3="Thành phố";IF(F3<=2;1;ROUNDUP(F3/2;0));F3)`
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô H3 cho đến ô H9.

Câu 5: Tính số cuộc gọi và tiền trả cho các cuộc gọi là Thành phố và ĐTDD và lưu lại trong bảng thống kê.

*Tính Tiền trả

- Nhập vào ô I3 hàm sau: =G3*H3
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô I3 cho đến ô I9.
- Tính tổng cộng, nhập vào ô I10 hàm sau: =SUM(I3:I9)

*Tính bảng thống kê

Bài 4

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	Công ty Xăng Dầu ABC							
2	BÁO CÁO DOANH THU							
3	TT	Mã hàng	Tên hàng	Số lượng	Thành tiền	Chuyên chở	Doanh thu	
4	1	XL0		50				
5	2	DS1		1000				
6	3	NS3		100				
7	4	DL0		30				
8	5	XS2		2000				
9	6	XS1		1000				
10	7	DL2		55				
11	8	DS3		250				
12	9	XS0		250				
13	10	XS2		1000				
14	Bảng 1: Đơn giá và chi phí chuyên chở							
15	TT	Mặt hàng	Tên hàng	Giá sỉ	Giá lẻ	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
16	1	X	Xăng	7000	7500	0.50%	1.00%	1.50%
17	2	D	Dầu	4000	4400	0.60%	1.10%	1.50%
18	3	N	Nhớt	10000	14000	0.30%	0.35%	0.40%
19	Bảng 2: Doanh số bán hàng							
20			Tên hàng	Xăng	Dầu	Nhớt		
21			Số lượng					
22			Doanh thu					

Câu 1: Điền vào cột tên hàng, biết rằng ký tự đầu tiên của mã hàng đại diện cho một mặt hàng

- Nhập vào ô C4 hàm sau: =VLOOKUP(LEFT(B4;1);\$B\$17:\$C\$19;2;0)
- Tiếp theo giữ nút điền và kéo từ ô C4 cho đến ô C13.

Câu 2: Tính Thành tiền, biết rằng ký tự thứ 2 của mã hàng cho biết mặt hàng sẽ được bán theo giá sỉ (S) hay giá lẻ (L). Thành tiền = số lượng x đơn giá với đơn giá được trích từ bảng 1 dựa vào tên của mã hàng.

- Nhập vào ô E4 hàm sau:
=IF(MID(B4;2;1)="S";VLOOKUP(C4;\$C\$17:\$D\$19;2;0)*D4;VLOOKUP(C4;\$C\$17:\$E\$19;3;0)*D4)
- Tiếp theo giữ nút điền và kéo từ ô E4 cho đến ô E13.

Câu 3: Tính phí chuyên chở, biết rằng ký tự cuối cùng của mã hàng đại diện cho một khu vực. Nếu ký tự cuối là 0 thì phí chuyên chở là 0, ngược lại phí chuyên chở tính theo bảng 1.

- Nhập vào ô F4 hàm sau:

=IF(RIGHT(B4;1)="1";VLOOKUP(C4;\$C\$17:\$F\$19;4;0);IF(RIGHT(B4;1)="2";VLOOKUP(C4;\$C\$17:\$G\$19;5;0);IF(RIGHT(B4;1)="3";VLOOKUP(C4;\$C\$17:\$H\$19;6;0);0)))

- Tiếp theo giữ nút điền và kéo từ ô F4 cho đến ô F13.

Câu 4: Tính Tổng = Thành tiền + Chuyên chở

- Nhập vào ô G4 hàm sau: =E4+F4
- Tiếp theo giữ nút điền và kéo từ ô G4 cho đến ô G13.

Câu 5: Tính Tổng cộng của thành tiền, chuyên chở, tổng

- Nhập vào ô E14 hàm sau: =SUM(E4:E13)
- Tiếp theo giữ nút điền và kéo theo hàng ngang từ ô E14 cho đến ô G14.

Câu 6: Định dạng cột Thành tiền, Chuyên chở, tổng theo dạng 0,000.00\$

- Chọn vùng dữ liệu muốn định dạng → kích chuột phải, chọn Format Cells...
→ Custom → chọn `_-* #,##0.00 đ _-;-* #,##0.00 đ _-;_-* "-"?? đ _-;_@ _-` → sửa ký tự `đ` đầu tiên thành `$` → OK. (kiểu định dạng là 0,000.00\$)
- Phần chuyên chở và doanh thu thì tang thêm phần thập phân.

Câu 7: Tính số lượng và doanh thu của các mặt hàng đã bán và điền vào bảng 2

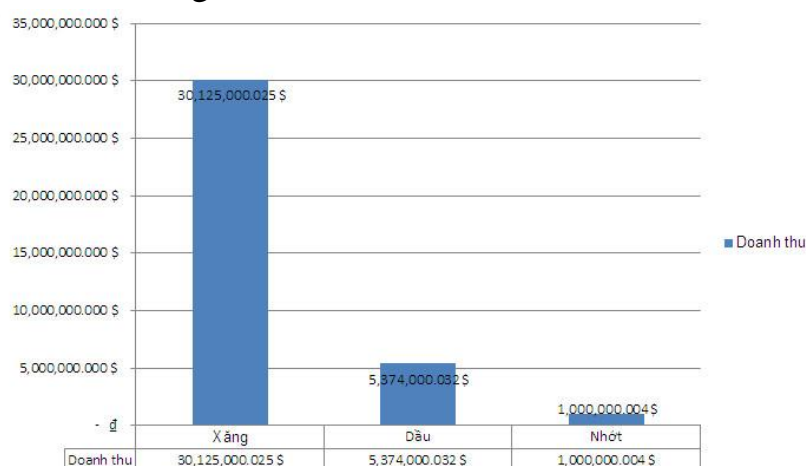
- Nhập vào ô D22 hàm sau: =SUMIF(\$C\$4:\$C\$13;D21;\$D\$4:\$D\$13)
Tiếp theo giữ nút điền và kéo theo hàng ngang từ ô D22 cho đến ô F22.
- Nhập vào ô D23 hàm sau: =SUMIF(\$C\$4:\$C\$13;D21;\$G\$4:\$G\$13)
Tiếp theo giữ nút điền và kéo theo hàng ngang từ ô D23 cho đến ô F23.

Câu 8: Vẽ biểu đồ thể hiện sự so sánh doanh thu của các mặt hàng đã bán

- Chọn vùng dữ liệu doanh thu của bảng 2:

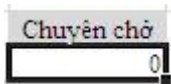
Tên hàng	Xăng	Dầu	Nhớt
Số lượng	4300	1335	100
Doanh thu	30,125,000.025 \$	5,374,000.032 \$	1,000,000.004 \$

- Insert → trong thẻ Charts chọn Column → 3-D Column → chỉnh sửa biểu đồ.

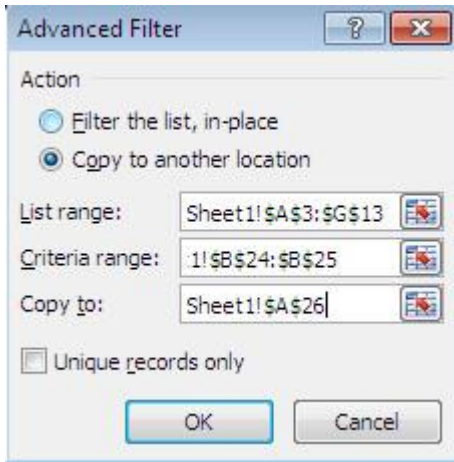


Câu 9: Trích các mặt hàng bán ở khu vực "0" ra một vùng riêng trên bảng tính

- Copy ô Chuyên chở ra một vùng riêng và gõ điều kiện như sau:



- Data → trong thẻ Sort & Filter chọn Advanced → hộp thoại Advanced Filter xuất hiện.

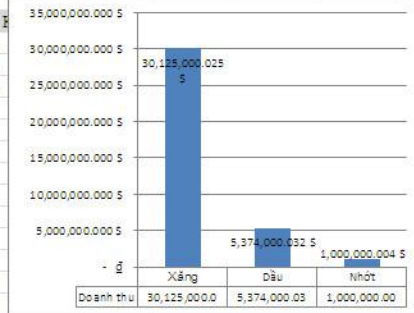


- + Trong phần Action chọn Copy to another location để trích dữ liệu lọc được ra một vùng riêng của bảng tính.
 - + List range: chọn vùng muốn trích dữ liệu (bao gồm cả phần tiêu đề và phần dữ liệu).
 - + Criteria range: chọn vùng điều kiện.
 - + Copy to: Chọn vùng muốn hiện dữ liệu trích ra (chọn một vùng trống tương ứng với tiêu đề bảng tính).
- Nhấp chuột vào nút OK ta được bảng lọc mới như sau:

24		Chuyên chở					
25		0					
26	TT	Mã hàng	Tên hàng	Số lượng	Thành tiền	Chuyên chở	Doanh thu
27	1	XL0	Xăng	50	375,000.00 \$	0	375,000.000 \$
28	4	DL0	Dầu	30	132,000.00 \$	0	132,000.000 \$
29	9	XS0	Xăng	250	1,750,000.00 \$	0	1,750,000.000 \$

*Bài tập hoàn thành như sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L
1	Công ty Xăng Dầu ABC											
2	BÁO CÁO DOANH THU											
3	TT	Mã hàng	Tên hàng	Số lượng	Thành tiền	Chuyên chở	Doanh thu					
4	1	XL0	Xăng	50	375,000.00 \$	0	375,000.000 \$					
5	2	DS1	Dầu	1000	4,000,000.00 \$	0.006\$	4,000,000.006 \$					
6	3	NS3	Nhớt	100	1,000,000.00 \$	0.004\$	1,000,000.004 \$					
7	4	DL0	Dầu	30	132,000.00 \$	0	132,000.000 \$					
8	5	XS2	Xăng	2000	14,000,000.00 \$	0.010\$	14,000,000.010 \$					
9	6	XS1	Xăng	1000	7,000,000.00 \$	0.005\$	7,000,000.005 \$					
10	7	DL2	Dầu	55	242,000.00 \$	0.011\$	242,000.011 \$					
11	8	DS3	Dầu	250	1,000,000.00 \$	0.015\$	1,000,000.015 \$					
12	9	XS0	Xăng	250	1,750,000.00 \$	0	1,750,000.000 \$					
13	10	XS2	Xăng	1000	7,000,000.00 \$	0.010\$	7,000,000.010 \$					
14	Tổng cộng				36,499,000.00 \$	0.061\$	36,499,000.061 \$					
15	Bảng 1: Đơn giá và chi phí chuyên chở											
16	TT	Mặt hàng	Tên hàng	Giá si	Giá lẻ	Khu vực 1	Khu vực 2					
17	1	X	Xăng	7000	7500	0.50%	1.00%					
18	2	D	Dầu	4000	4400	0.60%	1.10%					
19	3	N	Nhớt	10000	14000	0.30%	0.35%					
20	Bảng 2: Doanh số bán hàng											
21			Tên hàng	Xăng	Dầu	Nhớt						
22			Số lượng	4300	1335	100						
23			Doanh thu	30,125,000.025 \$	5,374,000.032 \$	1,000,000.004 \$						
24			Chuyên chở									
25			0									
26	TT	Mã hàng	Tên hàng	Số lượng	Thành tiền	Chuyên chở	Doanh thu					
27	1	XL0	Xăng	50	375,000.00 \$	0	375,000.000 \$					
28	4	DL0	Dầu	30	132,000.00 \$	0	132,000.000 \$					
29	9	XS0	Xăng	250	1,750,000.00 \$	0	1,750,000.000 \$					
30												



Bài 5

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L
1	BẢNG THEO DÕI TÌNH HÌNH BÁN XE											
2	Mã xe	Tên khách hàng	Loại xe	SL	Đơn giá (USD)	Thành tiền (USD)	Loại trả góp	Trả trước	Còn lại	Tiền lãi	Tiền phải trả (USD)	Tiền trả tháng
3	D-N	Long		1			3					
4	W-T	Chiên		1			6					
5	F-N	Mình		1			12					
6	D-T	Hưng		2			TM					
7	F-T	Dũng		1			3					
8	D-N	Mai		1			6					
9	W-N	Toàn		1			12					
10	F-T	Khánh		2			6					
11	D-T	Hào		1			TM					
12	W-T	Trinh		1			6					
13												
14	Bảng Tên xe và Đơn giá					Bảng lãi suất tháng						
15	Mã xe	Tên xe	Giá tiền			Loại	3	6	12			
16			Nhật	TQ		Tỷ lệ lãi	0.50%	0.80%	1.20%			
17	W	Wave 110	1000	400								
18	D	Super Dream	1600	450								
19	F	Future Neo	1850	600								
20												
21	Bảng thông kê 1			Bảng thông kê 2			Bảng thông kê 3					
22	Tiền mặt	0				Nước SX				Loại	Số KH	
23	Trả góp			Tên xe		Nhật	TQ			Trả góp		
24				Wave 110						Tiền mặt		
25				Super Dream								
26				Future Neo								

Hoàn chỉnh bảng trên, biết rằng:

Câu 1: Loại xe: kết hợp tên xe và nước sản xuất. Ký tự đầu của mã xe cho biết tên xe, ký tự cuối của mã xe là “N” thì nước sản xuất là “Nhật”, “T” là “Trung Quốc”

- Nhập vào ô C3 hàm sau:
`=IF(AND(LEFT(A3)="W";RIGHT(A3)="N");"Wave 110 Nhật";IF(AND(LEFT(A3)="W";RIGHT(A3)="T");"Wave 110 TQ";IF(AND(LEFT(A3)="D";RIGHT(A3)="N");"Super Dream Nhật";IF(AND(LEFT(A3)="D";RIGHT(A3)="T");"Super Dream TQ";IF(AND(LEFT(A3)="F";RIGHT(A3)="N");"Future Neo Nhật";"Future Neo TQ")))))))`
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô C3 cho đến ô C12.

Câu 2: Trả trước: nếu trả bằng tiền mặt thì trả trước bằng thành tiền, ngược lại trả trước = 30% giá trị xe

*Nhập cột Đơn giá:

- Nhập vào ô E3 hàm sau:
`=IF(C3="Wave 110 Nhật";1000;IF(C3="Wave 110 TQ";400;IF(C3="Super Dream Nhật";1600;IF(C3="Super Dream TQ";450;IF(C3="Future Neo Nhật";1850;600))))))`

- Tiếp theo giữ nút điền và kéo từ ô E3 cho đến ô E12.

*Nhập cột Thành tiền:

- Nhập vào ô F3 hàm sau: =D3*E3
- Tiếp theo giữ nút điền và kéo từ ô F3 cho đến ô F12.

*Nhập cột Trả trước

- Nhập vào ô H3 hàm sau: =IF(G3="TM";F3;30%*F3)
- Tiếp theo giữ nút điền và kéo từ ô H3 cho đến ô H12.

Câu 3: Còn lại = thành tiền - trả trước

- Nhập vào ô I3 hàm sau: =F3-H3
- Tiếp theo giữ nút điền và kéo từ ô I3 cho đến ô I12.

Câu 4: Tiền lãi (chỉ áp dụng cho hình thức mua trả góp) = còn lại * tỷ lệ lãi * số tháng trả góp

- Nhập vào ô J3 hàm sau:
=IF(G3="TM";0;HLOOKUP(G3;\$G\$15:\$I\$16;2;0)*I3*G3)
- Tiếp theo giữ nút điền và kéo từ ô J3 cho đến ô J12.

Câu 5: Doanh thu = thành tiền (USD) + tiền lãi

- Nhập vào ô K3 hàm sau: =F3+J3
- Tiếp theo giữ nút điền và kéo từ ô K3 cho đến ô K12.

Câu 6: Tiền trả 1 tháng (áp dụng cho mua trả góp) = (còn lại + tiền lãi)/số tháng

- Nhập vào ô L3 hàm sau: =IF(G3="TM";0;(I3+J3)/G3)
- Tiếp theo giữ nút điền và kéo từ ô L3 cho đến ô L12.

Câu 7: Điền giá trị cho các bảng thống kê

- Nhập vào ô B22 hàm sau: =SUMIF(G3:G12;"TM";K3:K12)

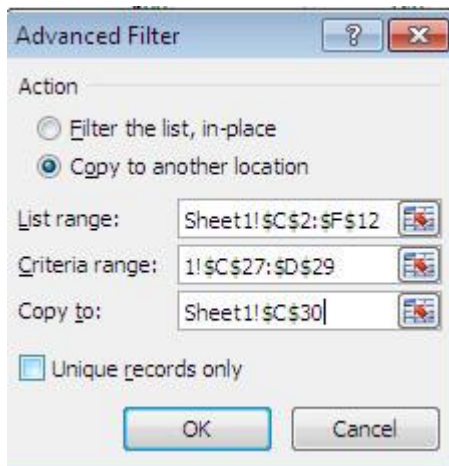
-

Câu 8: Trích tất cả các loại xe Wave 110 (chỉ lấy các cột Tên xe, Số lượng, Đơn giá, Thành tiền)

- Copy ô Loại xe ra một vùng riêng và gỡ điều kiện như sau:

27			Loại xe	Loại xe
28			Wave 110 Nhật	
29				Wave 110 TQ

- Data → trong thẻ Sort & Filter chọn Advanced → hộp thoại Advanced Filter xuất hiện.



- + Trong phần Action chọn Copy to another location để trích dữ liệu lọc được ra một vùng riêng của bảng tính.
 - + List range: chọn vùng muốn trích dữ liệu (bao gồm cả phần tiêu đề và phần dữ liệu).
 - + Criteria range: chọn vùng điều kiện.
 - + Copy to: Chọn vùng muốn hiện dữ liệu trích ra (chọn một vùng trống tương ứng với tiêu đề bảng tính).
- Nhấp chuột vào nút OK ta được bảng lọc mới như sau:

27			Loại xe	Loại xe		
28			Wave 110 Nhật			
29				Wave 110 TQ		
30			Loại xe	SL	Đơn giá (USD)	Thành tiền (USD)
31			Wave 110 TQ	1	400	400
32			Wave 110 Nhật	1	1000	1000
33			Wave 110 TQ	1	400	400

Bài 6

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J
1	BẢNG TỔNG KẾT TÌNH HÌNH NHẬP XUẤT CÁC LOẠI BIA									
2	Số HD	Mã hàng	Tên hàng	SL	Quy cách	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền	Nhập/Xuất	
3	0001/X	SGL		10						
4	0001/X	SGC		5						
5	0002/X	TGL		5						
6	0002/N	TGC		5						
7	0003/N	HKL		15						
8	0003/N	HKC		20						
9	0004/N	SGL		25						
10	0004/N	SGC		30						
11	0005/X	HKL		50						
12	0005/X	HKC		10						
13										
14	Bảng 1						Bảng quy cách và ĐVT			
15	Mã hàng	Tên hàng	Loại	Tồn kho		Mã loại	L	C		
16			Thùng	Két	Thùng	Két	Quy cách	Lon	Chai	
17	SG	Sài Gòn	168000	130000	20	20	ĐVT	Thùng	Két	
18	TG	Tiger	192000	150000	50	30				
19	HK	Hen	216000	160000	30	10				
20										
21	Bảng SL hàng xuất			Bảng SL hàng nhập			Bảng SL hàng tồn			
22	Tên hàng	Loại	Tồn kho		Tên hàng	Loại	Tên hàng	Loại		
23		Thùng	Két	Thùng	Két	Thùng	Két	Thùng	Két	
24	Sài Gòn			Sài Gòn			Sài Gòn			
25	Tiger			Tiger			Tiger			
26	Hen			Hen			Hen			
27										
28	Bảng thông kê Thành tiền nhập/xuất									
29	Tên hàng	Xuất	Nhập							
30	Sài Gòn									
31	Tiger									
32	Hen									

***Hoàn chỉnh các bảng trên, biết rằng:**

Câu 1: Đơn giá: nếu ký tự cuối của số HD là “N” sẽ là Đơn giá nhập (được lấy trong bảng 1 và tùy theo ĐVT để lấy đơn giá nhập), ngược lại Đơn giá = 10%.

+ Nhập cột Tên hàng:

- Nhập vào ô C3 hàm sau: =VLOOKUP(LEFT(B4;2);\$A\$17:\$B\$19;2;0)
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô C3 cho đến ô C12.

+ Nhập cột Quy cách:

- Nhập vào ô E3 hàm sau: =HLOOKUP(RIGHT(B3;1);\$I\$15:\$J\$16;2;0)
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô E3 cho đến ô E12.

+ Nhập cột Quy cách:

- Nhập vào ô F3 hàm sau: =HLOOKUP(RIGHT(B3;1);\$I\$15:\$J\$17;3;0)
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô F3 cho đến ô F12.

+ Nhập cột Đơn giá:

- Nhập vào ô G3 hàm sau:

=IF(RIGHT(A3;1)="N";INDEX(\$C\$17:\$D\$19;MATCH(C3;\$B\$17:\$B\$19;0);MATCH(F3;\$C\$16:\$D\$16;0));10%*INDEX(\$C\$17:\$D\$19;MATCH(C3;\$B\$17:\$B\$19;0);MATCH(F3;\$C\$16:\$D\$16;0)))

- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô G3 cho đến ô G12.

+ Nhập cột Thành tiền:

- Nhập vào ô H3 hàm sau: =D3*G3
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô H3 cho đến ô H12.

Câu 2: Nhập/Xuất : nếu ký tự cuối của số HĐ là “N” là phiếu nhập, “X” là phiếu “Xuất”

- Nhập vào ô I3 hàm sau: =IF(RIGHT(A3;1)="N";"phiếu nhập";"phiếu xuất")
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô I3 cho đến ô I12.

Câu 3: Điền giá trị vào các bảng thống kê

* Nhập Bảng SL hàng xuất:

+ Nhập vào ô B24 hàm sau:

=SUM(IF(\$C\$3:\$C\$12=A24;IF(\$F\$3:\$F\$12=\$B\$23;IF(RIGHT(\$A\$3:\$A\$12)="X";\$D\$3:\$D\$12))). Sau đó nhấn Ctrl + Shift + Enter.

- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô B24 cho đến ô B26.

+ Nhập vào ô C24 hàm sau:

=SUM(IF(\$C\$3:\$C\$12=A24;IF(\$F\$3:\$F\$12=\$C\$23;IF(RIGHT(\$A\$3:\$A\$12)="X";\$D\$3:\$D\$12))). Sau đó nhấn Ctrl + Shift + Enter.

- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô C24 cho đến ô C26.

* Nhập Bảng SL hàng nhập:

+ Nhập vào ô E24 hàm sau:

=SUM(IF(\$C\$3:\$C\$12=D24;IF(\$F\$3:\$F\$12=\$E\$23;IF(RIGHT(\$A\$3:\$A\$12)="N";\$D\$3:\$D\$12))). Sau đó nhấn Ctrl + Shift + Enter.

- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô E24 cho đến ô E26.

+ Nhập vào ô F24 hàm sau:

=SUM(IF(\$C\$3:\$C\$12=D24;IF(\$F\$3:\$F\$12=\$F\$23;IF(RIGHT(\$A\$3:\$A\$12)="N";\$D\$3:\$D\$12))). Sau đó nhấn Ctrl + Shift + Enter.

- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô F24 cho đến ô F26.

* Nhập Bảng thống kê Thành tiền nhập/xuất:

+ Nhập vào ô C30 hàm sau:

=SUM(IF(\$C\$3:\$C\$12=A30;IF(RIGHT(\$A\$3:\$A\$12)="X";\$H\$3:\$H\$12))).

Sau đó nhấn Ctrl + Shift + Enter.

- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô C30 cho đến ô C32.

+ Nhập vào ô D30 hàm sau:

=SUM(IF(\$C\$3:\$C\$12=A30;IF(RIGHT(\$A\$3:\$A\$12)="N";\$H\$3:\$H\$12))).

Sau đó nhấn Ctrl + Shift + Enter.

- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô D30 cho đến ô D32.

Câu 4: Số lượng hàng tồn = SL hàng nhập + SL tồn kho - Xuất kho

* Nhập Bảng SL hàng tồn:

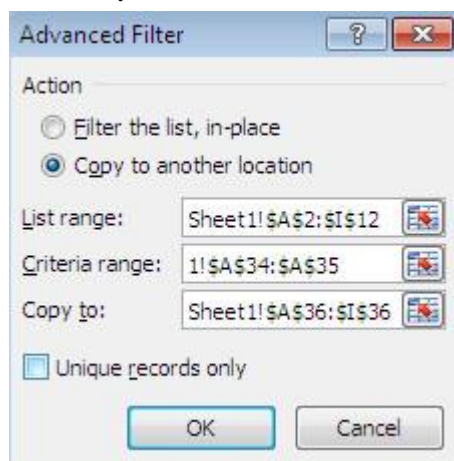
- Nhập vào ô H24 hàm sau: =E24+E17-B24
Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô H24 cho đến ô H26.
- Nhập vào ô I24 hàm sau: =F24+F17-C24
Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô I24 cho đến ô I26.

Câu 5: Trích các mặt hàng Sài Gòn ra một vùng riêng trên bảng tính

- Copy ô Tên hàng ra một vùng riêng và gõ điều kiện như sau:

34	Tên hàng
35	= "Sài Gòn"

- Data → trong thẻ Sort & Filter chọn Advanced → hộp thoại Advanced Filter xuất hiện.



- + Trong phần Action chọn Copy to another location để trích dữ liệu lọc được ra một vùng riêng của bảng tính.
- + List range: chọn vùng muốn trích dữ liệu (bao gồm cả phần tiêu đề và phần dữ liệu).
- + Criteria range: chọn vùng điều kiện.
- + Copy to: Chọn vùng muốn hiện dữ liệu trích ra (chọn một vùng trống tương ứng với tiêu đề bảng tính).
- Nhấp chuột vào nút OK ta được bảng lọc mới như sau:

34	Tên hàng									
35	Sài Gòn									
36	Số HĐ	Mã hàng	Tên hàng	SL	Quy cách	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền	Nhập/Xuất	
37	0001/X	SGL	Sài Gòn	10	Lon	Thùng	16800	168000	phiếu xuất	
38	0001/X	SGC	Sài Gòn	5	Chai	Két	13000	65000	phiếu xuất	
39	0004/N	SGL	Sài Gòn	25	Lon	Thùng	168000	4200000	phiếu nhập	
40	0004/N	SGC	Sài Gòn	30	Chai	Két	130000	3900000	phiếu nhập	

*Bài tập hoàn thành như sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J
1	BẢNG TỔNG KẾT TÌNH HÌNH NHẬP XUẤT CÁC LOẠI BIA									
2	Số HĐ	Mã hàng	Tên hàng	SL	Quy cách	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền	Nhập	Xuất
3	0001 X	SGL	Sài Gòn	10	Lon	Thùng	16800	168000	phiếu xuất	
4	0001 X	SGC	Sài Gòn	5	Chai	Két	13000	65000	phiếu xuất	
5	0002 X	TGL	Tiger	5	Lon	Thùng	19200	96000	phiếu xuất	
6	0002 N	TGC	Tiger	5	Chai	Két	150000	750000	phiếu nhập	
7	0003 N	HKL	Hen	15	Lon	Thùng	216000	3240000	phiếu nhập	
8	0003 N	HKC	Hen	20	Chai	Két	160000	3200000	phiếu nhập	
9	0004 N	SGL	Sài Gòn	25	Lon	Thùng	168000	4200000	phiếu nhập	
10	0004 N	SGC	Sài Gòn	30	Chai	Két	130000	3900000	phiếu nhập	
11	0005 X	HKL	Hen	50	Lon	Thùng	21600	1080000	phiếu xuất	
12	0005 X	HKC	Hen	10	Chai	Két	16000	160000	phiếu xuất	
13										
14	Bảng 1							Bảng quy cách và ĐVT		
15	Mã hàng	Tên hàng	Loại		Tồn kho		Mã loại	L	C	
16			Thùng	Két	Thùng	Két	Quy cách	Lon	Chai	
17	SG	Sài Gòn	168000	130000	20	20	ĐVT	Thùng	Két	
18	TG	Tiger	192000	150000	50	30				
19	HK	Hen	216000	160000	30	10				
20										
21	Bảng SL hàng xuất			Bảng SL hàng nhập			Bảng SL hàng tồn			
22	Tên hàng	Loại		Tên hàng	Loại		Tên hàng	Loại		
23		Thùng	Két		Thùng	Két		Thùng	Két	
24	Sài Gòn	10	5	Sài Gòn	25	30	Sài Gòn	35	45	
25	Tiger	5	0	Tiger	0	5	Tiger	45	35	
26	Hen	50	10	Hen	15	20	Hen	-5	20	
27										
28	Bảng thống kê Thành tiền nhập/xuất									
29	Tên hàng	Xuất	Nhập							
30	Sài Gòn	233000	8100000							
31	Tiger	96000	750000							
32	Hen	1240000	6440000							
33										
34	Tên hàng									
35	Sài Gòn									
36	Số HĐ	Mã hàng	Tên hàng	SL	Quy cách	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền	Nhập	Xuất
37	0001 X	SGL	Sài Gòn	10	Lon	Thùng	16800	168000	phiếu xuất	
38	0001 X	SGC	Sài Gòn	5	Chai	Két	13000	65000	phiếu xuất	
39	0004 N	SGL	Sài Gòn	25	Lon	Thùng	168000	4200000	phiếu nhập	
40	0004 N	SGC	Sài Gòn	30	Chai	Két	130000	3900000	phiếu nhập	

Bài 7

M32							
A	B	C	D	E	F	G	
1	<h1>Gửi Tiền Tiết Kiệm</h1>						
2							
3							
4							
5							
6	STT	HỌ TÊN KHÁCH HÀNG	TIỀN GỬI ĐẦU KỲ (Present Value)	Kỳ hạn (nPeriod)	Lãi suất (Rate)	Tiền bổ sung trong kỳ (PMT)	Tiền lãi khi đáo hạn (Future Value)
7	1	Chi Phèo	2,000,000	3		0	
8	2	Bá Kiên	35,000,000	6		0	
9	3	Thị Nức Nữ	15,000,000	9		500,000	
10	4	Thị Mầu	20,000,000	9		0	
11	5	Thị Kinh	6,500,000	6		0	
12	6	Thị Mệt	4,500,000	12		100,000	
13	7	Võ Thành Thiết	3,500,000	36		0	
14	8	Nguyễn Văn Chiêu	1,000,000	24		0	
15	9	Phan Thị Hồng	500,000	9		50,000	
16	10	Phạm Thị So	1,250,000	3		0	
17	Tổng cộng						
18							
19			Kỳ hạn (Tháng)	Lãi suất (%/tháng)			
20			3	0.50%			
21			6	0.60%			
22			9	0.75%			
23			12	0.80%			
24			24	0.90%			
25			36	1.00%			

***Yêu cầu:**

Câu 1: Tìm lãi suất tương ứng với kỳ hạn gửi.

- Nhập vào ô E7 hàm sau: =VLOOKUP(D7;\$B\$20:\$C\$25;2;0)
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô E7 cho đến ô E16.

Câu 2: Xác định tiền lãi khi đáo hạn

- Nhập vào ô G7 hàm sau: =-FV(E7;D7;F7;C7;1)
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô G7 cho đến ô G16.

Câu 3: Tính tổng tiền gửi đầu kỳ, tổng tiền lãi khi đáo hạn.

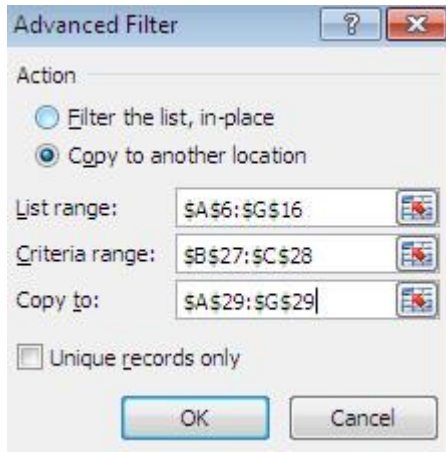
- Nhập vào ô C17 hàm sau: =SUM(C7:C16)
- Nhập vào ô G17 hàm sau: =SUM(G7:G16)

Câu 4: Trích ra những khách hàng có số tiền gửi từ 1.000.000 đồng trở lên và có kỳ hạn gửi là 9 tháng.

- Copy ô TIỀN GỬI ĐẦU KỲ (Present Value) và ô Kỳ hạn (nPeriod) ra một vùng riêng và gõ điều kiện như sau:

26			
27		TIỀN GỬI ĐẦU KỲ (Present Value)	Kỳ hạn (nPeriod)
28	>1000000	=9	

- Data → trong thẻ Sort & Filter chọn Advanced → hộp thoại Advanced Filter xuất hiện.



- + Trong phần Action chọn Copy to another location để trích dữ liệu lọc được ra một vùng riêng của bảng tính.
- + List range: chọn vùng muốn trích dữ liệu (bao gồm cả phần tiêu đề và phần dữ liệu).
- + Criteria range: chọn vùng điều kiện.
- + Copy to: Chọn vùng muốn hiện dữ liệu trích ra (chọn một vùng trống tương ứng với tiêu đề bảng tính).
- Nhấp chuột vào nút OK ta được bảng lọc mới như sau:

26								
27		TIỀN GỬI ĐẦU KỲ (Present Value)	Kỳ hạn (nPeriod)					
28		>1000000	9					
29		STT	HỌ TÊN KHÁCH HÀNG	TIỀN GỬI ĐẦU KỲ (Present Value)	Kỳ hạn (nPeriod)	Lãi suất (Rate)	Tiền bổ sung trong kỳ (PMT)	Tiền lãnh khi đáo hạn (Future Value)
30	3	Thị Nức Nờ	15,000,000	9	0.75%	500,000	20,715,582.29 đ	
31	4	Thị Mầu	20,000,000	9	0.75%	0	21,391,216.78 đ	

*Bài tập hoàn thành như sau:

	A	B	C	D	E	F	G
1	Gửi Tiền Tiết Kiệm						
2							
3							
4							
5							
6		TIỀN GỬI ĐẦU KỶ (Present Value)	Kỳ hạn (nPeriod)	Lãi suất (Rate)	Tiền bổ sung trong kỳ (PMT)	Tiền lãi khi đáo hạn (Future Value)	
7	1	Chí Phèo	2,000,000	3	0.50%	0	2,030,150.25 ₫
8	2	Bá Kiến	35,000,000	6	0.60%	0	36,279,051.88 ₫
9	3	Thị Nức Nở	15,000,000	9	0.75%	500,000	20,715,582.29 ₫
10	4	Thị Mầu	20,000,000	9	0.75%	0	21,391,216.78 ₫
11	5	Thị Kính	6,500,000	6	0.60%	0	6,737,538.21 ₫
12	6	Thị Mệt	4,500,000	12	0.80%	100,000	6,215,791.66 ₫
13	7	Võ Thành Thiết	3,500,000	36	1.00%	0	5,007,690.74 ₫
14	8	Nguyễn Văn Chiêu	1,000,000	24	0.90%	0	1,239,903.80 ₫
15	9	Phan Thị Hồng	500,000	9	0.75%	50,000	1,001,997.39 ₫
16	10	Phạm Thị So	1,250,000	3	0.50%	0	1,268,843.91 ₫
17		Tổng cộng	89,250,000				101,887,766.90 ₫
18							
19		Kỳ hạn (Tháng)	Lãi suất (%/tháng)				
20		3	0.50%				
21		6	0.60%				
22		9	0.75%				
23		12	0.80%				
24		24	0.90%				
25		36	1.00%				
26							
27		TIỀN GỬI ĐẦU KỶ (Present Value)	Kỳ hạn (nPeriod)				
28		>1000000	9				
29		TIỀN GỬI ĐẦU KỶ (Present Value)	Kỳ hạn (nPeriod)	Lãi suất (Rate)	Tiền bổ sung trong kỳ (PMT)	Tiền lãi khi đáo hạn (Future Value)	
30	3	Thị Nức Nở	15,000,000	9	0.75%	500,000	20,715,582.29 ₫
31	4	Thị Mầu	20,000,000	9	0.75%	0	21,391,216.78 ₫

Lưu ý: cách định dạng ô Lãi suất (nếu kết quả hiển thị 0.00). Chọn vùng dữ liệu cột Lãi suất → Home → trong thẻ Number chọn biểu tượng Percent Style (Ctrl + Shift + %) → sau đó chọn biểu tượng Increase Decimal để tăng số thập phân lên.

Bài 8

Giải bài toán bán hàng trả góp:

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L
1	Bán Hàng Trả góp											
2												
3												
4												
5	Lãi suất ngân hàng (% tháng)				0.50%							
6	TT	HỌ TÊN KH	MÃ XE	LOẠI XE	GIÁ BÁN	ĐÃ TRẢ	SỐ VAY	SỐ THÁNG TRẢ GÓP	SỐ LÃI PHẢI TRẢ	VỐN & LÃI PHẢI TRẢ	SỐ TIỀN TRẢ HÀNG THÁNG (1)	SỐ TIỀN TRẢ HÀNG THÁNG (2)
7	1	Chi Phèo	MAR			250,000		10				
8	2	Bà Kiên	DRE			8,500,000		12				
9	3	Cai Tông	WAV			10,000,000		4				
10	4	Phú Hộ	TOY			250,000,000		15				
11	5	Thị Nở	ATT			3,500,000		9				
12	6	Thị Mầu	NOU			4,500,000		12				
13	7	Thị Kinh	JUP			6,500,000		7				
14	8	Thị Mệt	DAV			65,000,000		15				
15												
16			MÃ XE	LOẠI XE	GIÁ BÁN							
17			MAR	Martin 107 - 650cc	850,000							
18			DRE	Dream	16,500,000							
19			WAV	Wave Alpha	15,500,000							
20			TOY	Toyota Altis	425,000,000							
21			ATT	Attila	23,500,000							
22			NOU	Nouvo	22,500,000							
23			JUP	Jupiter	23,500,000							
24			DAV	Moto Davison 850cc	125,000,000							

Yêu cầu:

Câu 1: Dựa vào mã xe, điền nội dung cho cột loại xe và giá bán

- Nhập vào ô D7 hàm sau: =VLOOKUP(C7;\$C\$17:\$D\$24;2;0)
Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô D7 cho đến ô D14.
- Nhập vào ô E7 hàm sau: =VLOOKUP(C7;\$C\$17:\$E\$24;3;0)
Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô E7 cho đến ô E14.

Câu 2: Tính số tiền vay của từng khách hàng

- Nhập vào ô G7 hàm sau: =E7-F7
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô G7 cho đến ô G14.

Câu 3: Tính số tiền vốn và lãi phải trả

- Nhập vào ô I7 hàm sau: =G7*\$F\$5
Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô I7 cho đến ô I14.
- Nhập vào ô J7 hàm sau: =G7+I7
Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô J7 cho đến ô J14.

Câu 4: Tính số tiền trả hàng tháng theo phương án I (tính lãi trên vốn đã trả).

- Nhập vào ô K7 hàm sau: =-PMT(\$F\$5;H7;G7;0;0)
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô K7 cho đến ô K14.

Câu 5: Tính số tiền trả hàng tháng theo phương án II (tính lãi trên phần vốn còn lại).

Bài 9

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J
1	BÁO CÁO BÁN HÀNG									
2	MSHD	MSKH	NGAYHD	MSHH	TÊN HÀNG	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIẢM GIÁ	THUẾ VAT	THÀNH TIỀN
3	1	KH01	01/11/2006	GA01LT		50				
4	2	KH01	01/11/2006	GA02LT		25				
5	3	KH02	02/11/2006	SU02TP		10				
6	4	KH02	02/11/2006	SU01TP		25				
7	5	KH02	03/11/2006	DG01TP		12				
8	6	KH03	03/11/2006	BA01LT		80				
9	7	KH04	03/11/2006	DG02TP		51				
10	8	KH05	04/11/2006	BA02LT		40				
11	9	KH01	04/11/2006	SU01TP		20				
12	10	KH02	04/11/2006	DG02TP		10				
13										
14				MSHH	TÊN HÀNG	ĐƠN GIÁ			MSHH	DOANH THU
15				GA01LT	Gạo trắng loại 1	4200			GA01LT	
16				GA02LT	Gạo trắng loại 2	3800			GA02LT	
17				BA01LT	Bắp vàng loại 1	3000			BA01LT	
18				BA02LT	Bắp vàng loại 2	2800			BA02LT	
19				DG01TP	Đường cát trắng	5500			SU01TP	
20				DG02TP	Đường cát vàng	4500			SU02TP	
21				SU01TP	Sữa Vinamilk	5800			DG01TP	
22				SU02TP	Sữa Ông Thọ	5250			DG02TP	

Yêu cầu:

Câu 1: Tìm các thông tin về tên hàng, đơn giá

- Nhập vào ô E3 hàm sau: =VLOOKUP(D3;\$D\$15:\$E\$22;2;0)
Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô E3 cho đến ô E12.
- Nhập vào ô G3 hàm sau: =VLOOKUP(D3;\$D\$15:\$F\$22;3;0)
Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô G3 cho đến ô G12.

Câu 2: Tính giảm giá:

- Nếu hàng loại 1 (chứa chuỗi "01" trong mã hàng): không giảm giá.
- Nếu hàng loại 2 (chứa chuỗi "02" trong mã hàng): giảm giá như sau
 - Mặt hàng gạo (chứa chuỗi "GA"): giảm 200 đ/Kg
 - Mặt hàng bắp (chứa chuỗi "BA"): giảm 50 đ/Kg
 - Mặt hàng sữa (chứa chuỗi "SU"): giảm 150 đ/hộp
 - Mặt hàng đường (chứa chuỗi "DG"): giảm 250 đ/Kg

*Nhập vào ô H3 hàm sau:

=IF(MID(D3;3;2)="01";0;IF(AND(MID(D3;3;2)="02";LEFT(D3;2)="GA");200;IF(AND(MID(D3;3;2)="02";LEFT(D3;2)="BA");50;IF(AND(MID(D3;3;2)="02";LEFT(D3;2)="SU");150;250))))

Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô H3 cho đến ô H12.

Câu 3: Tính thuế VAT, Thành tiền

- Nhập vào ô I3 hàm sau: =H3*F3
Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô I3 cho đến ô I12.

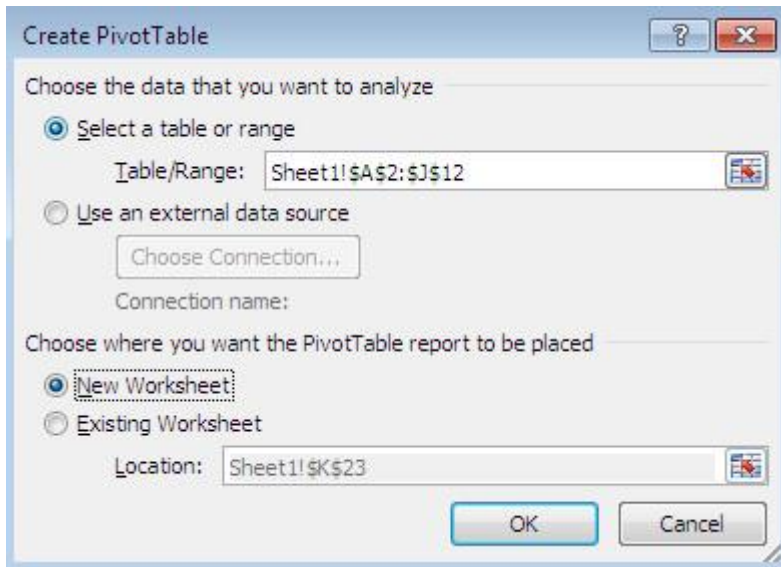
- Nhập vào ô J3 hàm sau: =F3*(G3-H3)
Tiếp theo giữ nút điền và kéo từ ô J3 cho đến ô J12.

Câu 4: Tính tổng doanh số từng mặt hàng

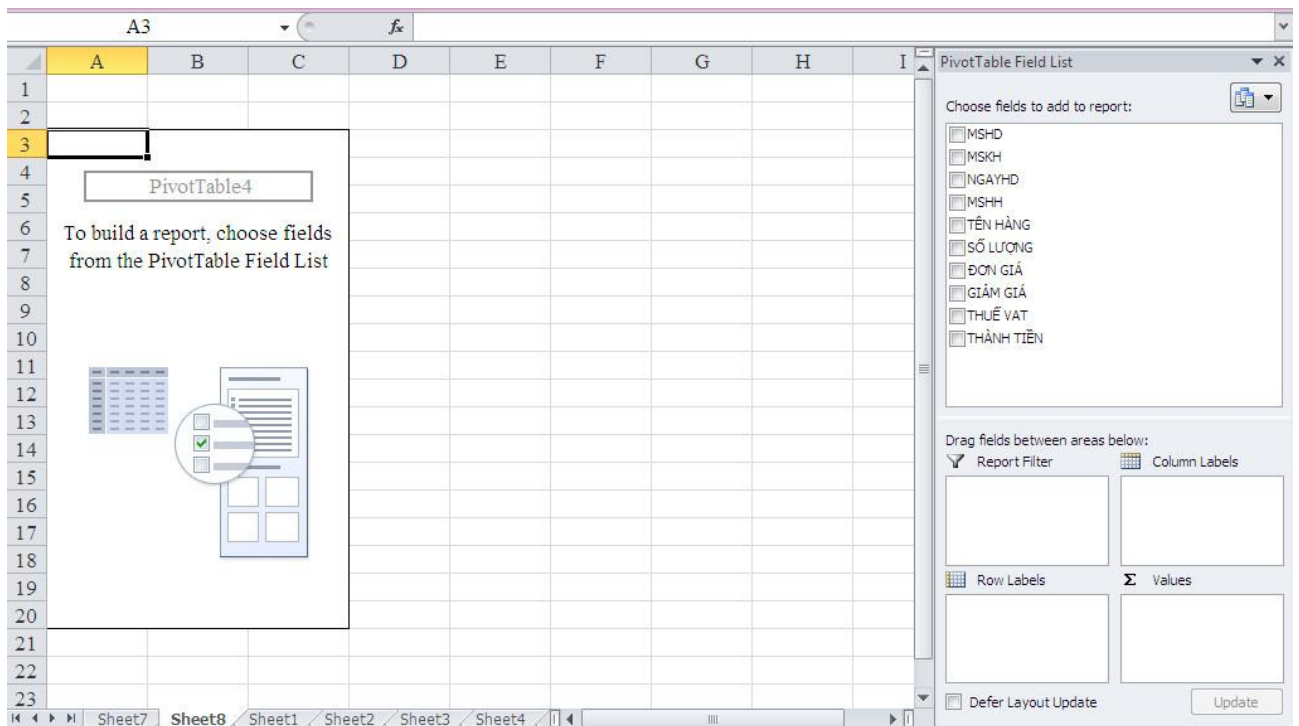
- Nhập vào ô J15 hàm sau: =SUMIF(\$D\$3:\$D\$12;I15;\$J\$3:\$J\$12)
- Tiếp theo giữ nút điền và kéo từ ô J15 cho đến ô J22.

Câu 5: Dùng PivotTable tính tổng số lượng bán, tổng thuế VAT và tổng doanh số từng mặt hàng

- Insert → trong thẻ Tables chọn PivotTable → PivotTable → hộp thoại Create PivotTable xuất hiện



- + Trong ô Table/Range: chọn địa chỉ vùng dữ liệu muốn tổng hợp (bao gồm cả tiêu đề).
- + New Worksheet: hiển thị kết quả PivotTable sang một sheet mới.
- Kết thúc nhập vào OK, ta thấy bảng sau:



+ Trong ô Choose fields to add to report: chọn các tiêu đề muốn hiển thị ra bảng kết quả.

→ Lần lượt kích chuột vào MSHH, SỐ LƯỢNG, THUẾ VAT, THÀNH TIỀN ta được bảng tổng hợp như sau

MSHH	TỔNG SỐ LƯỢNG	TỔNG THUẾ VAT	TỔNG THÀNH TIỀN
BA01LT	80	0	240000
BA02LT	40	2000	110000
DG01TP	12	0	66000
DG02TP	61	15250	259250
GA01LT	50	0	210000
GA02LT	25	5000	90000
SU01TP	45	0	261000
SU02TP	10	1500	51000
Grand Total	323	23750	1287250

*Bài tập hoàn thành

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J
1	BÁO CÁO BÁN HÀNG									
2	MSHD	MSKH	NGAYHD	MSHH	TÊN HÀNG	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIẢM GIÁ	THUẾ VAT	THÀNH TIỀN
3	1	KH01	01/11/2006	GA01LT	Gạo trắng loại 1	50	4200	0	0	210000
4	2	KH01	01/11/2006	GA02LT	Gạo trắng loại 2	25	3800	200	5000	90000
5	3	KH02	02/11/2006	SU02TP	Sữa Ông Thọ	10	5250	150	1500	51000
6	4	KH02	02/11/2006	SU01TP	Sữa Vinamilk	25	5800	0	0	145000
7	5	KH02	03/11/2006	DG01TP	Đường cát trắng	12	5500	0	0	66000
8	6	KH03	03/11/2006	BA01LT	Bắp vàng loại 1	80	3000	0	0	240000
9	7	KH04	03/11/2006	DG02TP	Đường cát vàng	51	4500	250	12750	216750
10	8	KH05	04/11/2006	BA02LT	Bắp vàng loại 2	40	2800	50	2000	110000
11	9	KH01	04/11/2006	SU01TP	Sữa Vinamilk	20	5800	0	0	116000
12	10	KH02	04/11/2006	DG02TP	Đường cát vàng	10	4500	250	2500	42500
13										
14				MSHH	TÊN HÀNG	ĐƠN GIÁ			MSHH	DOANH THU
15				GA01LT	Gạo trắng loại 1	4200			GA01LT	210000
16				GA02LT	Gạo trắng loại 2	3800			GA02LT	90000
17				BA01LT	Bắp vàng loại 1	3000			BA01LT	240000
18				BA02LT	Bắp vàng loại 2	2800			BA02LT	110000
19				DG01TP	Đường cát trắng	5500			SU01TP	261000
20				DG02TP	Đường cát vàng	4500			SU02TP	51000
21				SU01TP	Sữa Vinamilk	5800			DG01TP	66000
22				SU02TP	Sữa Ông Thọ	5250			DG02TP	259250

Bài 10

	A	B	C	D	E	F	G	
1	<h1 style="color: orange; font-size: 2em;">Gửi Tiền Tiết Kiệm</h1>							
2								
3								
4								
5								
6		STT	HỌ TÊN KHÁCH HÀNG	TIỀN GỬI ĐẦU KỶ (Present Value)	Kỳ hạn (nPeriod)	Lãi suất (Rate)	Tiền bổ sung trong kỳ (PMT)	Tiền lãnh khi đáo hạn (Future Value)
7	1	Trần Minh Thy	2,000,000	3		0		
8	2	Nguyễn Minh Tâm	35,000,000	6		0		
9	3	Lê Tròn Vương	15,000,000	9		500,000		
10	4	Nguyễn Thị Kinh	20,000,000	9		0		
11	5	Nguyễn Thị Sứu	6,500,000	6		0		
12	6	Thị Mệt	4,500,000	12		100,000		
13	7	Võ Thành Thiết	3,500,000	36		0		
14	8	Phạm Lê Minh	1,000,000	24		0		
15	9	Kính Kha	500,000	9		50,000		
16	10	Lâm Xung	1,250,000	3		0		
17		Tổng cộng						
18								
19		Kỳ hạn (Tháng)	Lãi suất (%/tháng)					
20		3	0.50%					
21		6	0.60%					
22		9	0.75%					
23		12	0.80%					
24		24	0.90%					
25		36	1.00%					

Yêu cầu:

*Điền giá trị cho cột lãi suất

- Nhập vào ô E7 hàm sau: =VLOOKUP(D7;\$B\$20:\$C\$25;2;0)
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô E7 cho đến ô E16.

*Tính tiền lãnh khi đáo hạn

- Nhập vào ô G7 hàm sau: =-FV(E7;D7;F7;C7;1)
- Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô G7 cho đến ô G16.

+ Tính tổng tiền gửi đầu kỳ, tổng tiền lãnh khi đáo hạn.

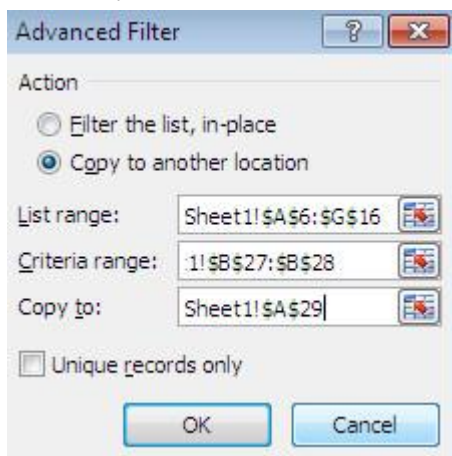
- Nhập vào ô C17 hàm sau: =SUM(C7:C16)
- Nhập vào ô G17 hàm sau: =SUM(G7:G16)

*Trích tất cả các khách hàng có kỳ hạn gửi là 9 tháng ra một vùng riêng trên bảng tính

- Copy ô Kỳ hạn (nPeriod) ra một vùng riêng và gõ điều kiện như sau:

27		Kỳ hạn (nPeriod)
28		=9

- Data → trong thẻ Sort & Filter chọn Advanced → hộp thoại Advanced Filter xuất hiện.



- + Trong phần Action chọn Copy to another location để trích dữ liệu lọc được ra một vùng riêng của bảng tính.
- + List range: chọn vùng muốn trích dữ liệu (bao gồm cả phần tiêu đề và phần dữ liệu).
- + Criteria range: chọn vùng điều kiện.
- + Copy to: Chọn vùng muốn hiện dữ liệu trích ra (chọn một vùng trống tương ứng với tiêu đề bảng tính).
- Nhấp chuột vào nút OK ta được bảng lọc mới như sau:

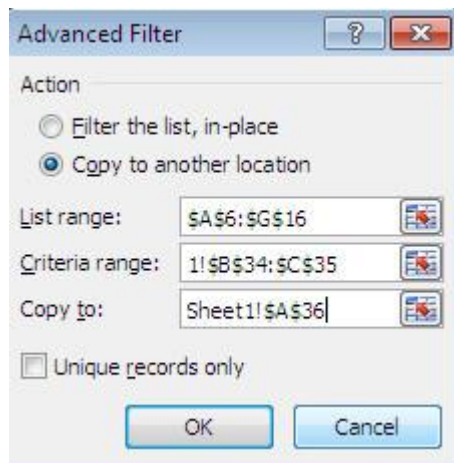
27		Kỳ hạn (nPeriod)					
28			9				
29	STT	HỌ TÊN KHÁCH HÀNG	TIỀN GỬI ĐẦU KỲ (Present Value)	Kỳ hạn (nPeriod)	Lãi suất (Rate)	Tiền bổ sung trong kỳ (PMT)	Tiền lãnh khi đáo hạn (Future Value)
30	3	Lê Tròn Vương	15,000,000	9	0.75%	500,000	20,715,582.29 đ
31	4	Nguyễn Thị Kinh	20,000,000	9	0.75%	0	21,391,216.78 đ
32	9	Kinh Kha	500,000	9	0.75%	50,000	1,001,997.39 đ

***Trích tất cả các khách hàng có kỳ hạn gửi là 9 tháng và số tiền gửi đầu kỳ trên 1000000 đồng ra một vùng riêng trên bảng tính**

- Copy ô TIỀN GỬI ĐẦU KỲ (Present Value) và ô Kỳ hạn (nPeriod) ra một vùng riêng và gõ điều kiện như sau:

34		TIỀN GỬI ĐẦU KỲ (Present Value)	Kỳ hạn (nPeriod)
35		>1000000	=9

- Data → trong thẻ Sort & Filter chọn Advanced → hộp thoại Advanced Filter xuất hiện.



- + Trong phần Action chọn Copy to another location để trích dữ liệu lọc được ra một vùng riêng của bảng tính.
- + List range: chọn vùng muốn trích dữ liệu (bao gồm cả phần tiêu đề và phần dữ liệu).
- + Criteria range: chọn vùng điều kiện.
- + Copy to: Chọn vùng muốn hiện dữ liệu trích ra (chọn một vùng trống tương ứng với tiêu đề bảng tính).
- Nhấp chuột vào nút OK ta được bảng lọc mới như sau:

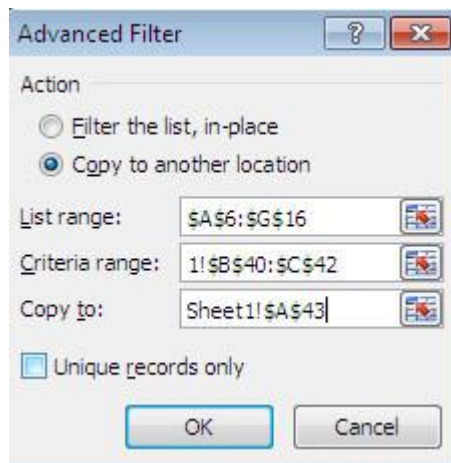
	TIỀN GỬI ĐẦU KỶ (Present Value)	Kỳ hạn (nPeriod)				
34						
35	>1000000	9				
	TIỀN GỬI ĐẦU KỶ (Present Value)	Kỳ hạn (nPeriod)	Lãi suất (Rate)	Tiền bổ sung trong kỳ (PMI)	Tiền lãnh khi đáo hạn (Future Value)	
36						
37	3 Lê Tròn Vương	15,000,000	9	0.75%	500,000	20,715,582.29 đ
38	4 Nguyễn Thị Kinh	20,000,000	9	0.75%	0	21,391,216.78 đ

***Trích tất cả các khách hàng có kỳ hạn gửi là 3 tháng hoặc 9 tháng**

- Copy ô Kỳ hạn (nPeriod) ra một vùng riêng và gõ điều kiện như sau:

	Kỳ hạn (nPeriod)	Kỳ hạn (nPeriod)
40		
41		3
42		9

- Data → trong thẻ Sort & Filter chọn Advanced → hộp thoại Advanced Filter xuất hiện.



- + Trong phần Action chọn Copy to another location để trích dữ liệu lọc được ra một vùng riêng của bảng tính.
 - + List range: chọn vùng muốn trích dữ liệu (bao gồm cả phần tiêu đề và phần dữ liệu).
 - + Criteria range: chọn vùng điều kiện.
 - + Copy to: Chọn vùng muốn hiện dữ liệu trích ra (chọn một vùng trống tương ứng với tiêu đề bảng tính).
- Nhấp chuột vào nút OK ta được bảng lọc mới như sau:

		Kỳ hạn (nPeriod)	Kỳ hạn (nPeriod)				
40							
41		3					
42			9				
	STT	HỌ TÊN KHÁCH HÀNG	TIỀN GỬI ĐẦU KỲ (Present Value)	Kỳ hạn (nPeriod)	Lãi suất (Rate)	Tiền bổ sung trong kỳ (PMT)	Tiền lãnh khi đáo hạn (Future Value)
43							
44	1	Trần Minh Thy	2,000,000	3	0.50%	0	2,030,150.25 đ
45	3	Lê Tròn Vương	15,000,000	9	0.75%	500,000	20,715,582.29 đ
46	4	Nguyễn Thị Kinh	20,000,000	9	0.75%	0	21,391,216.78 đ
47	9	Kinh Kha	500,000	9	0.75%	50,000	1,001,997.39 đ
48	10	Lâm Xung	1,250,000	3	0.50%	0	1,268,843.91 đ

Bài 11

Một người vay số tiền **50 tỷ đồng** với lãi suất **1%/tháng**, thời hạn **10 năm**. Cuối mỗi năm người đó phải trả ngân hàng số tiền trả đều nhau.

Lập bảng hoàn trả cho từng năm.

	A	B	C	D	E	F
1				Năm	Tổng tiền trả	Tiền gốc
2	Số tiền vay	50,000,000,000		1		
3	Số kỳ (năm)	10		2		
4	Lãi suất (tháng)	1%		3		
5				4		
6				5		
7				6		
8				7		
9				8		
10				9		
11				10		
12				Tổng		

- Nhập vào ô E2 hàm sau: =-PMT(\$B\$4*12;\$B\$3;\$B\$2;0;0)
+ Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô E2 đến ô E11.
- Nhập vào ô F2 hàm sau: =-PPMT(\$B\$4*12;D2;\$B\$3;\$B\$2;0;0)
+ Tiếp theo giữ nút điện và kéo từ ô F2 đến ô F11.
- Nhập vào ô E12 hàm sau: =SUM(E2:E11)
- Nhập vào ô F12 hàm sau: =SUM(F2:F11)

*Bảng kết quả:

	A	B	C	D	E	F
1				Năm	Tổng tiền trả	Tiền gốc
2	Số tiền vay	50,000,000,000		1	8,849,208,208 đ	2,849,208,208 đ
3	Số kỳ (năm)	10		2	8,849,208,208 đ	3,191,113,193 đ
4	Lãi suất (tháng)	1%		3	8,849,208,208 đ	3,574,046,776 đ
5				4	8,849,208,208 đ	4,002,932,389 đ
6				5	8,849,208,208 đ	4,483,284,276 đ
7				6	8,849,208,208 đ	5,021,278,389 đ
8				7	8,849,208,208 đ	5,623,831,796 đ
9				8	8,849,208,208 đ	6,298,691,611 đ
10				9	8,849,208,208 đ	7,054,534,605 đ
11				10	8,849,208,208 đ	7,901,078,757 đ
12				Tổng	88,492,082,080 đ	50,000,000,000 đ

Bài 12

Một người gửi vào Ngân hàng đầu mỗi tháng số tiền **500.000 đồng** với lãi suất là **12%/năm**, tính theo **lãi kép hàng tháng**.

Hỏi đúng **10 năm** gửi tiền, người đó nhận được bao nhiêu?

Giải:

Nhập bài toán như sau:

	A	B
1		
2	Lãi suất (năm)	12%
3	Số tiền gửi hàng tháng	500,000
4	Số kỳ (tháng)	120
5		
6	Số tiền nhận được sau 10 năm	

- Nhập vào ô B6 hàm sau: $=-FV(B2/12;B4;B3;0;1)$

Ta có bảng kết quả như sau:

	A	B
1		
2	Lãi suất (năm)	12%
3	Số tiền gửi hàng tháng	500,000
4	Số kỳ (tháng)	120
5		
6	Số tiền nhận được sau 10 năm	116,169,538 đ

⇒ Sau 10 năm người đó nhận được số tiền là 116.169.538 VNĐ (hơn 116 triệu đồng).

Bài 13

Một công ty X muốn vay ngân hàng theo các điều kiện: lãi suất **1%/tháng**, thời hạn **5 năm**.

Mỗi năm công ty dự tính trả cho Ngân hàng **900.000.000 đồng**, lần trả đầu tiên là 1 năm sau ngày vay. Vậy công ty X được vay bao nhiêu tiền?

Giải:

Nhập bài toán như sau:

	A	B
1	ĐVT: đồng	
2	Lãi suất (tháng)	1%
3	Số tiền trả mỗi kỳ	900,000,000 đ
4	Thời hạn (năm)	5
5	Hình thức trả	cuối kỳ
6	Số tiền vay	

- Nhập vào ô B6 hàm sau: $=-PV(B2*12;B4;B3;0;0)$
- Ta có bảng kết quả

	A	B
1	ĐVT: đồng	
2	Lãi suất (tháng)	1%
3	Số tiền trả mỗi kỳ	900,000,000 đ
4	Thời hạn (năm)	5
5	Hình thức trả	cuối kỳ
6	Số tiền vay	3,244,298,582 đ

⇒ Vậy số tiền mà công ty X vay là 3.244.298.582 VNĐ (hơn 3,2 tỷ đồng).

Lưu ý: Đổi lãi suất/tháng thành lãi suất/năm bằng cách nhân thêm 12 cho lãi suất tháng. Hoặc đổi kỳ hạn từ năm sang tháng, sử dụng 2 cách đều tính được PV.

Bài 14

Tính NPV của dự án đầu tư sau đây bằng cách dùng 2 hàm khác nhau:

	A	B	C	D	E	F	G
1	Năm	0	1	2	3	4	5
2	Dòng tiền	-9000	2000	2000	2000	2000	2000
3	Lãi suất	10%					
4							
5	Chỉ số NPV						
6	Chỉ số NPV						

Giải:

Hai công thức (hàm) tính NPV là:

Công thức 1:

$$NPV_{\text{dự án}} = NPV(\text{rate}, \text{value1}, \text{value2}, \dots) - \text{Vốn đầu tư}$$

Công thức 2:

$$NPV_{\text{dự án}} = \sum_{i=1}^n \frac{\text{value}_i}{(1 + \text{rate})^i}$$

- Nhập vào ô B5 hàm sau: =NPV(B3;C2:G2)+B2
- Nhập vào ô B6 hàm sau:

$$=C2/(1+B3)^C1+D2/(1+B3)^D1+E2/(1+B3)^E1+F2/(1+B3)^F1+G2/(1+B3)^G1+B2$$

⇒ Bảng kết quả

	A	B	C	D	E	F	G
1	Năm	0	1	2	3	4	5
2	Dòng tiền	-9000	2000	2000	2000	2000	2000
3	Lãi suất	10%					
4							
5	Chỉ số NPV	-1418.43					
6	Chỉ số NPV	-1418.43					

+ NPV < 0, dự án không khả thi.

Bài 15

Anh Ba đang cố gắng để dành tiền tiết kiệm với mong muốn sau **3 năm** sẽ có được **124.039.917** đồng để xây nhà.

Nếu anh Ba gửi tiết kiệm với lãi suất **1%/tháng** thì bình quân mỗi tháng anh Ba phải gửi vào bao nhiêu tiền vào đầu mỗi tháng.

Biết rằng trước khi gửi tiền, anh Ba đã dành dụm được số tiền là **35.000.000** đồng trong tài khoản ngân hàng với lãi suất cũng là **1%/tháng**.

Giải:

Nhập bài toán như sau:

	A	B
1	ĐVT: đồng	
2	Lãi suất	1%
3	Thời hạn (tháng)	36
4		
5	Số tiền hiện có dành dụm được	35,000,000 đ
6	Số tiền tương lai của tiền hiện có sau 3 năm	
7		
8	Số tiền gửi tiết kiệm hằng tháng	2,000,000 đ
9	Số tiền tương lai của tiền tiết kiệm sau 3 năm	
10		
11	Tổng số tiền nhận được sau 3 năm	0 đ

Trong đó: ô B8 là giá trị cần tìm (ô này có giá trị thay đổi trong Goal Seek).

- Ban đầu nhập giá trị bất kỳ cho ô B8 (ví dụ: nhập 2 triệu đồng).
- Tiếp theo nhập công thức cho ô B6, B9 và B11.
 - + Nhập vào ô B6 hàm sau: $=-FV(B2;B3;0;B5;1)$
 - + Nhập vào ô B9 hàm sau: $=-FV(B2;B3;B8;0;1)$
 - + Nhập vào ô B12 hàm sau: $=B6+B9$
- Dùng công cụ Goal Seek để đưa giá trị ô B12 về số tiền muốn nhận được, đồng thời tìm giá trị của ô B8.
- Data → trong thẻ Data Tools chọn What –If Analysis → Goal Seek... → hộp thoại Goal Seek xuất hiện

	A	B	C	D	E
1	ĐVT: đồng				
2	Lãi suất	1%			
3	Thời hạn (tháng)	36			
4					
5	Số tiền hiện có dành dụm được	35,000,000 đ			
6	Số tiền tương lai của tiền hiện có sau 3 năm	50,076,907 đ			
7					
8	Số tiền gửi tiết kiệm hằng tháng	2,000,000 đ			
9	Số tiền tương lai của tiền tiết kiệm sau 3 năm	87,015,294 đ			
10					
11	Tổng số tiền nhận được sau 3 năm	137,092,202 đ			

Goal Seek

Set cell: B11

To value: 123307610

By changing cell: \$B\$8

OK Cancel

- + Trong ô Set cell: chọn địa chỉ ô có giá trị tương lai muốn nhận được.
- + Trong ô To value: nhập giá trị mục tiêu.
- + Trong ô By changing cell: chọn địa chỉ ô có giá trị thay đổi (giá trị muốn tìm).
- Kết thúc nhấp vào OK → hộp thoại Goal Seek Status xuất hiện, nhấp vào OK
- ta được bảng kết quả như sau:

	A	B
1	ĐVT: đồng	
2	Lãi suất	1%
3	Thời hạn (tháng)	36
4		
5	Số tiền hiện có dành dụm được	35,000,000 đ
6	Số tiền tương lai của tiền hiện có sau 3 năm	50,076,907 đ
7		
8	Số tiền gửi tiết kiệm hằng tháng	1,683,169 đ
9	Số tiền tương lai của tiền tiết kiệm sau 3 năm	73,230,703 đ
10		
11	Tổng số tiền nhận được sau 3 năm	123,307,610 đ

⇒ Vậy vào đầu mỗi tháng anh Ba phải gửi vào ngân hàng số tiền tiết kiệm là 1.683.169 VNĐ thì sau 3 năm anh Ba sẽ nhận được số tiền như mong muốn.